

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 222/2024/SGC

TP.HCM, Ngày 25 tháng 11 năm 2024

V/v: Trả kết quả quan trắc môi trường đợt 3-2024 tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố - lấy mẫu đợt 2.

Kính gửi: **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Fax: 02543 838 257

Trước tiên, Công ty CP Dịch Vụ Công Nghệ Sài Gòn (SGC) chân thành cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của Quý công ty trong thời gian qua.

Căn cứ theo Hợp đồng số 54/2024/KVT/TMHD-LD.CNSG /D ký ngày 04/05/2024 về việc thực hiện Quan trắc môi trường tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, Kho cảng PVGas Vũng Tàu và Kho Gò Dầu năm 2024-2025

Căn cứ văn bản 201/2024/SGC về việc Thời gian dự kiến quan trắc môi trường tại Nhà máy xử lý Khí Dinh Cố, Kho cảng PVGas Vũng Tàu bổ sung đợt 3-2024 ký ngày 23/10/2024.

Chúng tôi đính kèm theo văn bản này là kết quả quan trắc môi trường đợt 3 - lấy mẫu đợt 2 của Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, Kho cảng PVGas Vũng Tàu: theo mã phiếu kết quả 0001-11/24-01-KQPT và 0001-11/24-02-KQPT

Nếu có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng Quý công ty phản hồi lại cho chúng tôi theo địa chỉ sau: **Ms. Diệu – 0918 77 11 41.**

Chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, BGD

CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN



GIÁM ĐỐC
Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Kho cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Điểm xả nước thải nhiễm dầu đã qua xử lý của hệ thống xử lý nước thải tại kho
Cảng PVGas Vũng Tàu (theo hệ tọa độ VN 2000): X=1164219 Y=420346
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN40: 2011/BTNMT (Cột B) $K_q=1; K_f=0,9$	Phương pháp phân tích
1	$SO_4^{2-(\Delta)}$	mg/L	7,01	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023
2	Độ dẫn điện (EC) ^(\Delta)	mS/cm	6,85	-	SMEWW 2510B:2023
3	Ba ^(\Delta)	$\mu\text{m/L}$	KPH (LOD=3)	-	SMEWW 3030A&K + SMEWW 3113B:2023
4	Ca ^(\Delta)	mg/L	132,74	-	SMEWW 3030A&K + SMEWW 3111B:2023
5	Mg ^(\Delta)	mg/L	7,04	-	SMEWW 3030A&K + SMEWW 3111B:2023
6	Độ đục ^(\Delta)	NTU	0,58	-	SMEWW 2130B:2023
7	TOC ^(\Delta)	mg/L	9,453	-	SMEWW 5310B&C:2023
8	VOCs ^(\Delta) - Benzene - Cloroform	mg/L	KPH (LOD=1,5)	-	US EPA Method 5021A; US EPA Method 8260D

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(\Delta): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: không phát hiện (<MDL)

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGas Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	CO ₂	Máy đo nhanh hiện số Extech CO250	-

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu	CO ₂
Điểm đo	(mg/m ³)
1. Khu vực ngoài Kho Cảng PVGas Vũng Tàu, trên đường số 9 (X: 01164591; Y: 00421113)	869
2. Khu vực ngoài Kho Cảng PVGas Vũng Tàu, trên đường số 965 (X: 01163881; Y: 00420740)	884
3. Vị trí nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với khu vực bồn chứa (kho lạnh) (X: 01164061; Y: 00420593)	937
4. Vị trí nằm trên trục hướng gió chủ đạo so với khu vực đốt đuốc (kho lạnh) (X: 01163775; Y: 00420559)	958
5. Khu vực cầu cảng 1 (X: 01164702; Y: 00420482)	896
6. Khu vực cầu cảng 2 (X: 01164523; Y: 00420366)	903
7. Khu vực đuốc thấp áp (kho LPG lạnh) (X: 01164396; Y: 00420442)	1.125
8. Khu vực giữa 2 bồn chứa LPG (kho LPG lạnh) (X: 01164204; Y: 00420557)	1.079
QCVN 03:2019/BYT	9.000

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

Trang 1/1

Số: 0001-11/24-02-KQPT Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Nước sông Thị Vải cách khu vực cầu cảng 1 500 – 700m về phía:
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08: 2023/BTNMT Bảng 1	Phương pháp phân tích
			Thượng lưu NM1	Hạ lưu NM2		
1.	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH (LOD=0,0003)	KPH (LOD=0,0003)	0,001	SMEWW 3112B:2023
2.	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(Δ)	mg/L	4,0	2,6	-	SMEWW 5520B&F:2023
3.	VOCs ^(Δ) - Benzene - Cloroform	mg/L	KPH (LOD=1,5)	KPH (LOD=1,5)	0,01 0,08	US EPA Method 5021A, US EPA Method 8260D
4.	Ba ^(Δ)	mg/L	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	-	SMEWW 3111D:2017

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

NM1: Nước sông Thị Vải khu vực thượng lưu cầu cảng của Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu, có tọa độ X: 01164794; Y: 00420622

NM2: Nước sông Thị Vải khu vực hạ lưu cầu cảng của Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu, có tọa độ X: 01164547; Y: 00420366

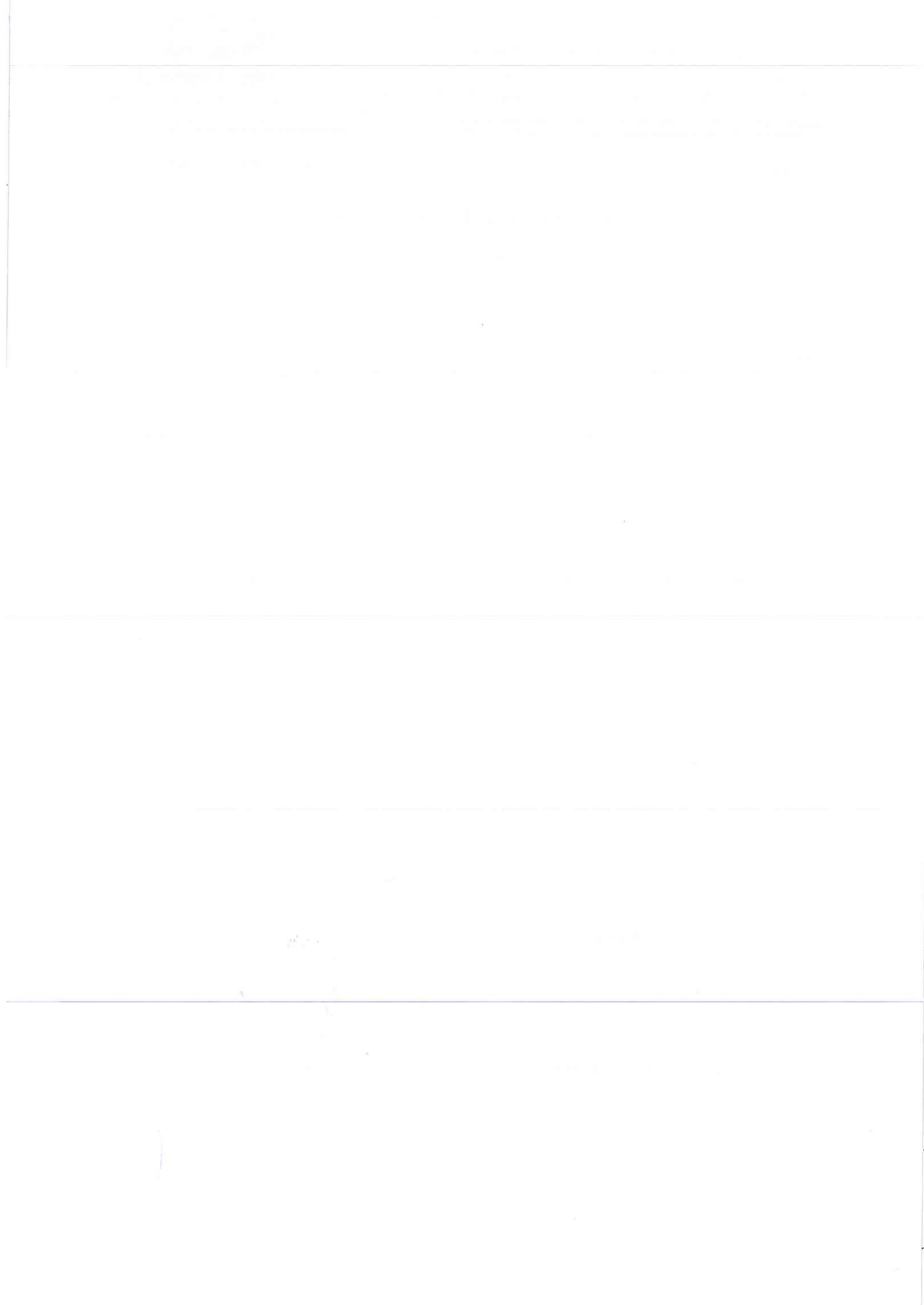
PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Lương



Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Nước sông Thị Vải khu vực cầu cảng của Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu, có tọa độ X: 01164702 ; Y: 00420482
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08: 2023/BTNMT Bảng 1	Phương pháp phân tích
1.	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH (LOD=0,0003)	0,001	SMEWW 3112B:2023
2.	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(Δ)	mg/L	2,4	-	SMEWW 5520B&F:2023
3.	VOCs ^(Δ) - Benzene - Cloroform	mg/L	KPH (LOD=1,5)	0,01 0,08	US EPA Method 5021A, US EPA Method 8260D
4.	Ba ^(Δ)	mg/L	KPH (LOD=3)	-	SMEWW 3111D:2017

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

KPH: Không phát hiện (<MDL)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang

**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Nước sông Thị Vải khu vực cách vị trí xả nước thải 100m về phía:
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08: 2023/BTNMT Bảng 1	Phương pháp phân tích
			Thượng lưu NM4	Hạ lưu NM5		
1	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH (LOD=0,0003)	KPH (LOD=0,0003)	0,001	TCVN 7877:2008
2	Benzene hexachloride (BHC) ^(Δ)	μg/L	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	-	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

(d): QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

KPH: Không phát hiện (<MDL)

NM4: Nước sông Thị Vải khu vực cách vị trí xả nước thải 100m về phía Thượng lưu (có tọa độ: X: 1164808; Y: 0420608)

NM5: Nước sông Thị Vải khu vực cách vị trí xả nước thải 100m về phía Hạ lưu (có tọa độ: X: 1164337; Y: 0420021)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Đất tại khu vực cảng xuất trên sông thị Vải
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03: 2023/BTNMT (Loại 3)	Phương pháp phân tích
1	Cacbon hữu cơ ^(A)	%	0,46	-	TCVN 8941:2011
2	VOCs ^(A) - Benzen - Ethylbenzen - Toluene - Xylene	mg/kg	KPH (LOD=15)	3.000 340.000 60.000 45.000	US EPA Method 5035 US EPA Method 3620C US EPA Method 8260D
3	Fe ^(A)	mg/kg	111,46	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang

**P. GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Dương

1875

1876

1877

1878

1879

1880

1881

1882

1883

1884

1885

1886

1887

1888

1889

1890

1891

1892

1893

1894

1895

1896

1897

1898

1899

1900

1901

1902

1903

1904

1905

1906

1907

1908

1909

1910

1911

1912

1913

1914

1915

1916

1917

1918

1919

1920

1921

1922

1923

1924

1925

1926

1927

1928

1929

1930

1931

1932

1933

1934

1935

1936

1937

1938

1939

1940

1941

1942

1943

1944

1945

1946

1947

1948

1949

1950

1951

1952

1953

1954

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Trầm tích đáy sông Thị Vải khu vực thượng nguồn, có tọa độ X: 01164794; Y: 00420622
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1.	VOCs ^(A) <ul style="list-style-type: none">- Benzene- Ethylbenzene- Toluene- Xylene	µg/kg	KPH (LOD=15)	-	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
2.	Cacbon hữu cơ (TOC) ^(A)	%	2,12	-	-	TCVN 8941:2011
3.	Ba ^(A)	mg/kg	KPH (LOD=0,08)	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010D
4.	Phân bố độ hạt (cỡ hạt) ^(A)					
	d < 0,25mm	%	99,4			
	0,25 ≤ d < 0,5mm	%	0,176			
	0,5 ≤ d < 1,0mm	%	0,095			
	1,0 ≤ d < 2,0mm	%	0,150			
	d ≥ 2,0mm	%	0,125			

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
JANUARY 1961

RECEIVED
JAN 11 1961
FROM THE
LIBRARY OF THE
UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
JANUARY 1961

UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
JANUARY 1961

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
JANUARY 1961
RECEIVED
JAN 11 1961
FROM THE
LIBRARY OF THE
UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
JANUARY 1961

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Trầm tích đáy sông Thị Vải khu vực hạ nguồn, có tọa độ X: 01164547; Y: 00420366
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1.	VOCs ^(A) <ul style="list-style-type: none">- Benzene- Ethylbenzene- Toluene- Xylene	µg/kg	KPH (LOD=15)	-	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
2.	Cacbon hữu cơ (TOC) ^(A)	%	2,58	-	-	TCVN 8941:2011
3.	Ba ^(A)	mg/kg	KPH (LOD=0,08)	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010D
4.	Phân bố độ hạt (cỡ hạt) ^(A)					
	d < 0,25mm	%	99,5			
	0,25 ≤ d < 0,5mm	%	0,42			
	0,5 ≤ d < 1,0mm	%	0,03			
	1,0 ≤ d < 2,0mm	%	0,0187			
	d ≥ 2,0mm	%	0,0130			

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM
VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên Công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : Kho Cảng PVGAS Vũng Tàu (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại mẫu : Trầm tích đáy sông Thị Vải khu vực trung tâm, có tọa độ X: 01164702; Y: 00420482
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1.	VOCs ^(A) <ul style="list-style-type: none">- Benzene- Ethylbenzene- Toluene- Xylene	µg/kg	KPH (LOD=15)	-	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
2.	Cacbon hữu cơ (TOC) ^(A)	%	1,77	-	-	TCVN 8941:2011
3.	Ba ^(A)	mg/kg	KPH (LOD=0,08)	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010D
4.	Phân bố độ hạt (cỡ hạt) ^(A)					
	d < 0,25mm	%	95,9			
	0,25 ≤ d < 0,5mm	%	1,97			
	0,5 ≤ d < 1,0mm	%	0,950			
	1,0 ≤ d < 2,0mm	%	0,820			
	d ≥ 2,0mm	%	0,400			

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vincerts 330)

KPH: Không phát hiện (<MDL)

QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang



Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : **KHO CẢNG PV GAS VŨNG TÀU (KCTV)**
Địa chỉ : **KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
Loại mẫu : **Thực vật nổi (Phytoplankton)^(A) – Phiêu sinh vật sông Thị Vải khu vực thượng nguồn**

Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01

Phương pháp định lượng: *SMEWW 10200:2017***KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (Tế bào/L)
	NGÀNH CYANOBACTERIA (tảo Lam)	-
1	Oscillatoria tenuis C.Agardh ex Gomont 1892	240
	NGÀNH BACILLARIOPHYTA (tảo Silic)	-
2	Actinocyclus subtilis (W.Gregory) Ralfs 1861	108
3	Amphiprora alata (Ehrenberg) Kutzing 1844	3
4	Coscinodiscus gigas Ehrenberg 1841	24
5	Coscinodiscus radiatus Ehrenberg 1840	12
6	Cyclotella comta (Ehrenberg) Kutzing 1849	24
7	Cymbella affinis Kutzing 1844	3
8	Ditylum sol (Grunow) De Toni 1894	3
9	Eunotia cf bilunaris	6
10	Melosira sulcata (Ehrenberg) Kutzing, 1844	18
11	Navicular aspera Ehrenberg 1840	18
12	Nitzschia longissima (Brébisson ex Kutzing) Grunow 1862	12
13	Nitzschia longissimi var. reversa Grunow 1880	3
14	Nitzschia sigma (Kutzing) W.Smith 1853	3
15	Pinnularia major (Kutzing) Rabenhorst 1853	6
16	Pleurosigma angulatum (Queckett) W.Smith 1852	33
17	Pleurosigma formosum W.Smith 1852	3
18	Skeletonema costatum (Greville) Cleve 1873	144
	NGÀNH DINOPHYTA (tảo Giáp)	-
19	Dinophysis caudata Saville-Kent, 1881	3
20	Prorocentrum micans Ehrenberg, 1834	3
21	Pyrocystis sp.	3
Tổng số loài		21
Tổng số tế bào/lít		672

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

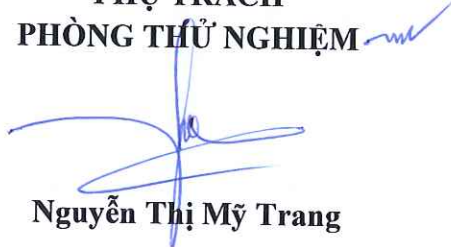
Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM



Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : KHO CẢNG PV GAS VŨNG TÀU (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Loại mẫu : Động vật nổi (Zooplankton)^(A) – Phiêu sinh vật sông Thị Vải khu vực thượng nguồn
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01
Phương pháp định lượng: SMEWW 10200B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (cá thể/m ³)
	Phylum CILIOPHORA	
	Class OLIGOTRICHAE	
	Order CHOREOTRICHIDA	
	Family Tintinnidae	
1	Eutintinnus fraknoii Daday	1.000
	Family Codonellidae	
2	Tintinnopsis monuta Wailes	2.000
3	Tintinnopsis cylindrica Daday	9.000
4	Tintinnopsis mortensenii Schmidt	1.000
5	Tintinnopsis tocanensis Kofoed & Campbell	1.000
	Family Codonellopsidae	
6	Stenosemella ventricose (Claparède & Lachmann) Jorgensen	2.000
	Phylum ARTHROPODA	
	Class HEXANAUPLIA	
	Subclass COPEPODA	
	Order CALANOIDA	
	Family Paracalanidae	
7	Calocalanus plumulosus Claus	1.000
	LAVA	
8	Copepoda nauolius	1.000
9	Nematoda	1.000
10	Polychaeta	1.000
Tổng số loài		10
Tổng số cá thể/m³		20.000

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

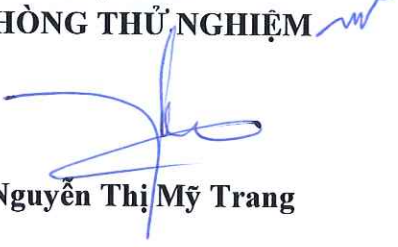
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : KHO CẢNG PV GAS VŨNG TÀU (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Loại mẫu : Động vật đáy không xương cỡ lớn (Zoobenthods)^(Δ) - Phiêu sinh vật sông Thị
Vải khu vực thượng nguồn
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01
Phương pháp định lượng: SMEWW 10500B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (cá thể/m ²)
	Phylum MOLLUSCA	
	Class GASTROPODA	
	Order CAENOGASTROPODA INCERTAE SEDIS	
	Family Melanopsidae	
	Melanopsis costata Olivier	17
	Order ARCHITAENIOGLOSSA	
	Family Viviparidae	
	Filopaludina sp.	51
	Tổng số loài	2
	Tổng số cá thể/m³	68

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử**(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vincerts 330)***PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang

**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : **KHO CẢNG PV GAS VŨNG TÀU (KCTV)**
Địa chỉ : **KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
Loại mẫu : **Thực vật nổi (Phytoplankton)^(A) – Phiêu sinh vật sông Thị Vải khu vực trung tâm**
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01
Phương pháp định lượng: *SMEWW 10200:2017*

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ <i>Science name</i>	MẬT ĐỘ (Tế bào/L)
	NGÀNH CYANOBACTERIA (tảo Lam)	-
1	<i>Oscillatoria tenuis</i> C.Agardh ex Gomont 1892	144
2	<i>Oscillatoria</i> sp.	384
3	<i>Phormidium chalybeum</i> (Mertens ex Gomont) <i>Anagnostidis</i> & Komárek 1989	108
	NGÀNH BACILLARIOPHYTA (tảo Silic)	
4	<i>Actinocyclus subtilis</i> (W.Gregory) Ralfs 1861	60
5	<i>Coscinodiscus gigas</i> Ehrenberg 1841	6
6	<i>Coscinodiscus oculus-iridis</i> (Ehrenberg) Ehrenberg 1840	3
7	<i>Coscinodiscus radiatus</i> Ehrenberg 1840	15
8	<i>Cyclotella striata</i> (Kützinger) Grunow 1880	30
9	<i>Ditylum brightwellii</i> (T. West) Grunow 1885	3
10	<i>Ditylum sol</i> (Grunow) De Toni 1894	3
11	<i>Eunotia cf bilunaris</i>	12
12	<i>Gyrosigma balticum</i> (Ehrenberg) Rabenhorst 1853	12
13	<i>Nitzschia longissima</i> (Brébisson ex Kützinger) Grunow 1862	24
14	<i>Nitzschia sigma</i> (Kützinger) W.Smith 1853	3
15	<i>Nitzschia vermicularis</i> (Kützinger) Hantzsch 1860	6
16	<i>Odontella mobilensis</i> (J. W. Bailey) Grunow, 1884	3
17	<i>Pleurosigma affine</i> Grunow 1880	6
18	<i>Pleurosigma angulatum</i> (Queckett) W.Smith 1852	33
19	<i>Pleurosigma formosum</i> W.Smith 1852	6
20	<i>Pleurosigma</i> sp.	3
21	<i>Pseudo-nitzschia pungens</i> (Grunow ex Cleve) Hasle 1993	18
22	<i>Skeletonema costatum</i> (Greville) Cleve 1873	756

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



23	Surirella recedens A.W.F.Schmidt 1875	3
24	Triceratium moronense Greville 1865	3
Tổng số loài		24
Tổng số tế bào/lít		1.644

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Kỳ Sài Gòn, Vimcerts 330)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : KHO CẢNG PV GAS VŨNG TÀU (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Loại mẫu : Động vật nổi (Zooplankton)^(A) – Phiêu sinh vật sông Thị Vải khu vực trung tâm
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01
Phương pháp định lượng: SMEWW 10200B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (cá thể/m ³)
	Phylum CILIOPHORA	
	Class OLIGOTRICHAE	
	Order Choreotrichida	
	Family Codonellidae	
1	<i>Tintinnopsis minuta</i> Wailes	1.000
2	<i>Tintinnopsis cylindrica</i> Daday	4.000
3	<i>Tintinnopsis tocaninensis</i> Kofoid & Campbell	2.000
	Phylum ROTIFERA	
	Class EUROTATORIA	
	Subclass MONGONONTA	
	Order Ploima	
	Family Brachionidae	
4	<i>Notholca</i> sp.	2.000
	Phylum ARTHROPODA	
	Class HEXANAUPLIA	
	Subclass COPEPODA	
	Order Calanoida	
	Family Paracalanidae	
5	<i>Calocalanus plumulosus</i> Claus	4.000
	Order Poecilostomatoida	
	Family Sapphirinidae	
6	<i>Sapphirina</i> sp.	1.000
	LARVA	
7	Copepoda nauplius	4.000
8	Nematoda	1.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VP GD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713

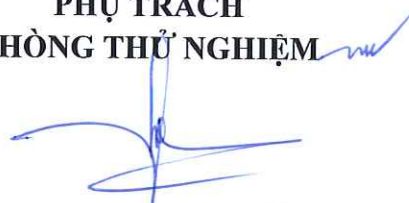


Tổng số loài	8
Tổng số cá thể/m ³	19.000

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vincerts 330)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM


Nguyễn Thị Mỹ Trang



P. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : **KHO CẢNG PV GAS VŨNG TÀU (KCTV)**
Địa chỉ : **KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
Loại mẫu : **Động vật đáy không xương cỡ lớn (Zoobenthods)^(A) - Phiêu sinh vật sông Thị**
Vải khu vực trung tâm
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01
Phương pháp định lượng: SMEWW 10500B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (cá thể/m ²)
	Phylum MOLLUSCA	
	Class GASTROPODA	
	Order Caenogastropoda incertae sedis	
	Family Melanopsidae	
1	<i>Melanopsis costata</i> Olivier	17
	Phylum ANNELIDA	
	Class POLYCHAETA	
	Order Phyllodocida	
	Family Nereididae	
2	<i>Tylorrhynchus heterochetus</i> (Quatrefages, 1866)	17
Tổng số loài		2
Tổng số cá thể/m³		34

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vincerts 330)**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**
Nguyễn Thị Mỹ Trang**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Hữu Dương



THE UNIVERSITY OF CHICAGO

DEPARTMENT OF THE HISTORY

OF THE UNITED STATES

AND OF THE WORLD

OF THE HISTORY OF THE UNITED STATES

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

1877

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VỪNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : **KHO CẢNG PV GAS VỪNG TÀU (KCTV)**
Địa chỉ : **KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
Loại mẫu : **Thực vật nổi (Phytoplankton)^(A) – Phiêu sinh vật sông Thị Vải khu vực hạ nguồn**
Ngày lấy mẫu : **24/10/2024** Lần ban hành : **01**
Phương pháp định lượng: **SMEWW 10200:2017**

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (Tế bào/L)
	NGÀNH CYANOBACTERIA (tảo Lam)	
1	Oscillatoria tenuis C.Agardh ex Gomont 1892	144
2	Oscillatoria sp.	144
	NGÀNH BACILLARIOPHYTA (tảo Silic)	
3	Actinocyclus subtilis (W.Gregory) Ralfs 1861	72
4	Aulacoseira granulata (Ehrenberg) Simonsen 1979	18
5	Coscinodiscus gigas Ehrenberg 1841	6
6	Coscinodiscus oculus-iridis (Ehrenberg) Ehrenberg 1840	3
7	Coscinodiscus radiatus Ehrenberg 1840	24
8	Cyclotella comta (Ehrenberg) Kützing 1849	6
9	Cyclotella meneghiniana Kützing 1844	6
10	Cyclotella striata (Kützing) Grunow 1880	12
11	Ditylum sol (Grunow) De Toni 1894	3
12	Eunotia cf bilunaris	9
13	Guinardia flaccida (Castracane) H.Peragallo 1892	12
14	Gyrosigma balticum (Ehrenberg) Rabenhorst 1853	3
15	Melosira sp.	18
16	Navicula sp.	3
17	Nitzschia paradoxa Grunow 1880	36
18	Nitzschia sigma (Kützing) W.Smith 1853	3
19	Nitzschia sp.	3
20	Odontella mobilensis (J. W. Bailey) Grunow, 1884	6
21	Pleurosigma angulatum (Queckett) W.Smith 1852	9
22	Pseudo-nitzschia pungens (Grunow ex Cleve) Hasle 1993	36
23	Skeletonema costatum (Greville) Cleve 1873	432

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Tổng số loài	2
Tổng số tế bào/lít	1.008

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : KHO CẢNG PV GAS VŨNG TÀU (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Loại mẫu : Động vật nổi (Zooplankton)^(A) – Phiêu sinh vật sông Thị Vải khu vực hạ nguồn
Ngày lấy mẫu : 24/10/2024 Lần ban hành : 01
Phương pháp định lượng: SMEWW 10200B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (cá thể/m ³)
	Phylum CILIOPHORA	
	Class OLIGOTRICHAE	
	Order Choreotrichida	
	Family Tintinnidae	
1	<i>Eutintinnus fraknoi</i> Daday	1.000
	Family Codonellidae	
2	<i>Tintinnopsis minuta</i> Wailes	1.000
3	<i>Tintinnopsis cylindrica</i> Daday	7.000
4	<i>Tintinnopsis tocanensis</i> Kofoid & Campbell	1.000
	Family Codonellopsidae	
5	<i>Stenosemella ventricosa</i> (Claparède & Lachmann) Jørgensen	2.000
	Phylum ARTHROPODA	
	Class HEXANAUPLIA	
	Subclass COPEPODA	
	Order Calanoida	
	Family Paracalanidae	
6	<i>Calocalanus plumulosus</i> Claus	1.000
	LARVA	
7	Copepoda nauplius	6.000
Tổng số loài		7
Tổng số cá thể/m³		19.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Trụ sở: Tầng 14, HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, HCM

VPGD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, HCM

VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, P. Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN

Email: info@hsevn.com.vn Web: <https://hsevn.com.vn> Hotline: 1900 1713



Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vincerts 330)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Thị Mỹ Trang



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Dương

Số: 0001-11/24-02-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên công ty : CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VỮNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu : KHO CẢNG PV GAS VỮNG TÀU (KCTV)
Địa chỉ : KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Loại mẫu : Động vật đáy không xương cỡ lớn (Zoobenthods)^(A) - Phiêu sinh vật sông Thị
Vải khu vực hạ nguồn

Ngày lấy mẫu : 24/10/2024

Lần ban hành

: 01

Phương pháp định lượng: SMEWW 10500B:2017

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT/ No.	Tên khoa học/ Science name	MẬT ĐỘ (cá thể/m ²)
	Phylum MOLLUSCA	
	Class GASTROPODA	
	Order Caenogastropoda incertae sedis	
	Family Melanopsidae	
1	<i>Melanopsis costata</i> Olivier	34
	Order Architaenioglossa	
	Family Viviparidae	
2	<i>Filopaludina</i> sp.	17
Tổng số loài		2
Tổng số cá thể/m³		51

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử**(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Sắc Ký Sài Gòn, Vimcerts 330)*

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Thị Mỹ Trang**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Khắc Dương

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
5408 S. DICKINSON DRIVE
CHICAGO, ILL. 60637

RECEIVED

TO: [illegible]
FROM: [illegible]
SUBJECT: [illegible]

[illegible text]

[illegible text]